

Số: 41 /QĐ-LQĐ

Bình Sơn, ngày 21 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 2 năm 2025 của trường THPT Lê Quý Đôn

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 4467/QĐ-SGDĐT ngày 25/12/2024 của Giám đốc Sở GD và ĐT Quảng Ngãi về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ thuyết minh dự toán thu, chi NSNN năm 2025 của trường THPT Lê Quý Đôn;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán quý 2 năm 2025

Xét đề nghị của kế toán trường THPT Lê Quý Đôn về việc công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 2 năm 2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 2 năm 2025 của trường THPT Lê Quý Đôn theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Hình thức, thời gian và địa điểm công khai:

- Thời gian công khai: 30 ngày kể từ ngày quyết định có hiệu lực;
- Hình thức công khai: đăng tải trên Website đơn vị, niêm yết bản tin phòng hội đồng trường THPT Lê Quý Đôn.
- Địa điểm công khai: Trường THPT Lê Quý Đôn;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ trưởng tổ hành chính, kế toán và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD và ĐT (b/cáo)
- HT, P.HT
- Thông báo ở bản tin phòng HĐ;
- Websibe trường
- Lưu :VT, KT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Chấn Thi

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH

Quý 2 năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sửa dụng ngân sách nhà nước)

(Kèm theo Quyết định số 41 /QĐ-LQĐ ngày 21/7/2025 của Hiệu trưởng trường THPT Lê Quý Đôn)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ sau:

ĐV tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	1.303.000.000	479.600.000	37	
1	Học phí	1.303.000.000	479.600.000	37	
2	Lệ phí				
3	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.303.000.000	274.508.801	21	
1	Chi sự nghiệp	1.303.000.000	274.508.801	21	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.303.000.000	274.508.801	21	-
	Tiền lương, phụ cấp lương	521.200.000	77.581.593	15	
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	228.820.800		-	
	Phúc lợi tập thể		1.996.000		
	Vật tư văn phòng		3.300.000		
	Vật tư văn phòng	50.000.000		-	
	Thông tin, tuyên truyền liên lạc	2.100.000		-	
	Công tác phí	12.000.000	43.961.000	366	
	Chi phí thuê mướn	125.000.000	10.200.000	8	
	Sửa chữa thường xuyên	160.000.000	32.350.000	20	
	Nghiệp vụ chuyên môn	88.000.000	32.825.000	37	
	Chi khác	50.879.200	11.550.000	23	

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Mua sắm TSCĐ hữu hình				
	Mua sắm TSCĐ vô hình	15.000.000	15.000.000	100	
	Chi công tác Đảng	50.000.000	45.745.208	91	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0			
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.840.000.000	5.213.395.732	25	
I	Nguồn ngân sách trong nước	20.840.000.000	5.213.395.732	25	
1	Chi quản lý hành chính				
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	20.840.000.000	5.213.395.732	25	
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	20.481.000.000	5.174.770.732	25	
6000	Tiền lương	10.267.855.469	2.553.211.441	25	
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	-	46.165.600		
6100	Phụ cấp lương	5.122.356.749	1.301.792.781		
6200	Khen thưởng	58.968.000	80.262.000	136	
6250	Phúc lợi tập thể	38.400.000	4.151.680	11	
6300	Các khoản đóng góp	2.869.667.782	713.414.840	25	
6400	Các khoản thanh toán cho cá nhân		40.294.800		
6500	Dịch vụ công cộng	156.000.000	33.402.310	21	
6550	Vật tư văn phòng	62.600.000	53.005.446	85	
6600	Thông tin, tuyên truyền liên lạc	22.800.000	7.845.584	34	
6700	Công tác phí	270.000.000	36.280.000	13	
6750	Chi phí thuê mướn	110.000.000	27.600.000	25	
6900	Sửa chữa thường xuyên	250.000.000	39.741.000	16	
7000	Nhiệm vụ chuyên môn	1.106.117.000	178.613.250	16	
6950	Mua sắm TSCĐ hữu hình	46.000.000	48.460.000	105	
7750	Chi khác	58.115.000		-	
7850	Chi công tác Đảng	42.120.000	10.530.000	25	
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	359.000.000	38.625.000	11	
	Miễn giảm học phí và HTCPHT theo NĐ 81/2021	57.000.000	38.625.000	68	

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Chế độ học sinh theo Nghị định 116/2016	52.000.000	-		
	Chế độ học sinh khuyết tật theo TTLT 42/2013	50.000.000	-	-	
	Phụ cấp dạy học sinh khuyết tật theo NĐ 28/2012	200.000.000	-	-	
	Kinh phí cải tạo, nâng cấp sửa chữa CSVC		-		

1AU
ĐNG
PT
Ý ĐƠN
140